

KT3-00922BXD2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

18/07/2022
Page 01/02

1. Tên mẫu : BỘT TRÉT CAO CẤP NGOẠI THẤT
Name of sample (JOTUN EXTERIOR PUTTY PREMIUM)
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer
Description 10 kg
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 20/06/2022
Date of receiving
5. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH SƠN JOTUN VIỆT NAM
Customer Số 1 Đường Số 10, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
6. Thời gian thử nghiệm : 21/06/2022 – 18/07/2022
Testing duration
7. Điều kiện thử nghiệm/ Test condition:
- Điều kiện nhiệt độ [t] và độ ẩm tương đối [RH] bảo dưỡng mẫu
Temperature [t] and relative humidity [RH] condition
- Phòng trộn mẫu và thử mẫu/ Mixing room and testing room : $t = [27 \pm 2] ^\circ\text{C}$; $\text{RH} > 50 \%$
 - Tủ môi trường/ Humidity cabinet : $t = [27 \pm 2] ^\circ\text{C}$; $\text{RH} > 90 \%$
 - Bể nước bảo dưỡng mẫu/ Water curing tank : $t = [27 \pm 1] ^\circ\text{C}$
 - Tủ sấy / Drying cabinet : $t = [80 \pm 5] ^\circ\text{C}$
8. Kết quả thử nghiệm : Xem trang/ See page 02/02
Test results

TL. TRƯỞNG PTN XÂY DỰNG
PP. HEAD OF CIVIL ENGINEERING
TESTING LAB.



Trần Ngọc Sâm

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Nguyễn Anh Triết

KT3-00922BXD2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

18/07/2022
Page 02/02

8. Kết quả thử nghiệm/ Test results:

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
8.1. Độ lưu động/ <i>Consistency</i> , mm	TCVN 3121 : 2003	166
• Tỷ lệ nước/ bột ứng với độ lưu động trên, <i>Water-skim coat ratio for mixture to reach the above consistency</i> , %		35,0
8.2. Thời gian đông kết/ <i>Time of setting</i> (*)	TCVN 6017 : 1995	
• Bắt đầu/ <i>Initial set</i> , min		335
• Kết thúc/ <i>Final set</i> , min		440
8.3. Cường độ bám dính/ <i>Adhesive strength</i> , ⁽¹⁾ MPa	TCVN 7239 : 2014	
• Ở điều kiện chuẩn/ <i>In standard conditions</i>		0,90
• Sau khi ngâm nước 72 h <i>After immersion for 72 h in water</i>		0,65
• Sau khi thử chu kỳ sốc nhiệt <i>After thermal shock cycle test</i>		0,85
8.4. Độ giữ nước, %	TCVN 7239: 2014	99,2
8.5. Độ cứng bề mặt sau 7 ngày <i>Hardness of surface after 7 days</i>	TCVN 7239 : 2014	0,21
8.6. Độ nghiền mịn (phần còn lại trên sàng 0,09 mm), % <i>Fineness test (retained content on sieve 0,09 mm)</i>	TCVN 4030 : 2003	0,80
8.7. Khối lượng thể tích xốp ⁽¹⁾ , g/dm ³ <i>Bulk density</i>	TCVN 7239 : 2003	988

Ghi chú/ Note:

- (*) Chỉ tiêu này thử nghiệm ở điều kiện: $t = (35 \pm 2) ^\circ\text{C}$, $\text{RH} = (70 \pm 5) \%$
Testing under environment condition: $t = (35 \pm 2) ^\circ\text{C}$, $\text{RH} = (70 \pm 5) \%$
- (1) Mẫu được gia công và thử nghiệm vào ngày 24/06/2022 với sự chứng kiến của khách hàng và các bên liên quan/ *The samples were prepared and testing on 24/06/2022 with the witness of the customer and related parties*